

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HS-ST
Ngày: 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Luyến.

Ông Nguyễn Xuân Hải.

Ông Sùng A Xà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Không có tên gọi khác), sinh ngày 28/4/1984, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKTT: Tổ dân phố 6, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1947 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1946; có chồng là Vũ Khắc M, sinh năm 1984 (Đã chết) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 07/4/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 28/02/2008, bị Công an thành phố Đ xử lý vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2024, tạm giam từ ngày 12/01/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:** Bà Lê Thị X, Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

1. Chị Bùi Thị H, sinh ngày 23/3/1994 (*có mặt tại phiên tòa*) và anh Phạm Xuân T, sinh ngày 21/8/1990 (*vắng mặt tại phiên tòa*). Cùng địa chỉ: Bản T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bà Vi Thị T, sinh ngày 26/3/1986. Địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (*vắng mặt tại phiên tòa*).

3. Anh Tô Phúc K, sinh ngày 10/7/1992. Địa chỉ: Tổ dân phố 23, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*có mặt tại phiên tòa*).

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/7/1979. Địa chỉ: Số nhà 97, tổ dân phố 05, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

5. Chị Đỗ Thị Quỳnh T, sinh ngày 01/6/1998 (*có mặt tại phiên tòa*) và anh Đỗ Văn H, sinh ngày 14/12/1991(*vắng mặt tại phiên tòa*). Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

6. Bà Nguyễn Thị H1, sinh ngày 25/7/1975. Địa chỉ: Số nhà 475, tổ dân phố 14, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lò Thị T, sinh ngày 20/6/1985. Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Anh Phạm Ngọc S, sinh ngày 19/10/1997. Địa chỉ: Số nhà 475, tổ dân phố 14, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Chị Mai Thị L, sinh ngày 14/9/1991. Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

4. Bà Trần Thị Thu H2, sinh ngày 27/9/1981. Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

5. Ông Nguyễn Mạnh H3, sinh ngày 22/4/1972. Địa chỉ: Số nhà 25, tổ dân phố 7, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

6. Bà Bùi Thị T, sinh ngày 06/10/1982. Địa chỉ: Tổ 06, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là người không có việc làm ổn định, không có chức vụ quyền hạn cũng như khả năng để làm các thủ tục chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất, tách thửa đất, xin việc... nhưng lợi dụng sự cả tin của mọi người nên Nguyễn Thị H đã đưa ra những thông tin gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị H đã 03 lần đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tài sản của Bùi Thị H, sinh năm 1994 và anh Phạm Xuân T, sinh năm 1990, trú tại Bản T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

Lần 1: Do quen biết chị Bùi Thị H và biết gia đình chị Bùi Thị H có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại tổ 10, phường N, thành phố Đ và tại tổ 4, phường T3, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Khoảng từ tháng 9/2021, Nguyễn Thị H nói dối chị Bùi Thị H là có thể giúp được nhưng phải đưa tiền cho Nguyễn Thị H chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tin tưởng Nguyễn Thị H sẽ làm được nên từ ngày 09/9/2021 đến ngày 15/9/2022, vợ chồng chị Bùi Thị H đã 43 lần chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng Vietinbank số 106869911024 của Bùi Thị H và nạp tiền trực tiếp đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H với tổng số tiền **481.000.000 đồng**.

Lần 2: Khoảng tháng 10/2021, biết chị Bùi Thị H có nhu cầu xin việc cho em gái của mình là Bùi Như Ngọc vào làm việc tại Bệnh viện 7/5 thuộc Công an tỉnh Điện Biên. Nguyễn Thị H nói với chị Bùi Thị H có thể giúp được. Tin tưởng là thật nên từ ngày 05/10/2021 đến ngày 24/12/2021 chị Bùi Thị H cùng chồng là Phạm Xuân T đã chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H tổng số tiền **415.000.000 đồng**. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị H không làm gì để xin việc cho em gái chị Bùi Thị H mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lần 3: Khoảng tháng 02/2022, do thấy Bùi Thị H nói, bố mẹ Bùi Thị H muốn tìm mua mảnh đất ở khu vực Trung đoàn cơ động thuộc bản T4, xã T5, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau đó, Phạm Xuân T (chồng của Bùi Thị H) dẫn Nguyễn Thị H vào một nhà thuộc bản T4, xã T5 để xem nhà có mua được không. Nguyễn Thị H nói là mua được và bảo gia đình Bùi Thị H đặt cọc để Nguyễn Thị H làm thủ tục. Tin tưởng là thật nên từ ngày 25/02/2022 đến ngày 24/5/2022, chị Bùi Thị H đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Thị H tổng số tiền **455.500.000 đồng**. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị H không làm thủ tục đặt cọc sang tên mảnh đất này mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt được của vợ chồng Bùi Thị H là **1.351.500.000 đồng**. Nghi ngờ Nguyễn Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chị Bùi Thị H đã yêu cầu Nguyễn Thị H trả lại tiền. Từ ngày 18/01/2022 đến ngày 06/01/2024, Nguyễn Thị H đã trả lại cho chị Bùi Thị H tổng số tiền **870.200.000 đồng**.

2. Khoảng tháng 12/2021, Nguyễn Thị H biết chị Vi Thị T, sinh năm 1986, trú tại tổ 16, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu có nhu cầu làm giấy chứng nhận và tách thửa đất tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu. Tháng 12/2021, Nguyễn Thị H nói với chị Vi Thị T nếu muốn làm giấy chứng nhận và tách thửa đất thì phải chi phí để tách sổ, tiền cắt khẩu, nhập khẩu, tách mỗi sổ là 60.000.000 đồng, muốn làm hai sổ thì hết 120.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên từ ngày 13/01/2022 đến tháng 9/2023, chị Vi Thị T đã 06 lần chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn số 780821501670

của Vi Thị T đến tài khoản tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H với tổng số tiền là **126.000.000 đồng**.

3. Khoảng tháng 10/2022, do quen biết với anh Tô Phúc K, sinh năm 1992, trú tại tổ 23, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và biết anh Tô Phúc K có nhu cầu muốn tách thửa đất mang tên bố của Tô Phúc K là Tô Văn K1 tại khu C, xã S, huyện Đ và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyễn Thị H đã tự giới thiệu với Tô Phúc K là Nguyễn Thị H có mối quan hệ và là Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Đ, có thể làm được cho anh Tô Phúc K. Nguyễn Thị H nói với anh Tô Phúc K phải đưa tiền để làm thủ tục tách sổ, nộp thuế tách thửa đất... Tin tưởng là thật nên từ ngày 03/10/2022 đến ngày 07/11/2022, anh Tô Phúc K đã 11 lần chuyển tiền từ số tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 104843315555 đến tài khoản Ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H và đưa tiền mặt cho Nguyễn Thị H với tổng số tiền **230.060.000 đồng**.

4. Nguyễn Thị H đã 02 lần đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, trú tại tổ 05, phường T1, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

Lần 1: Khoảng cuối năm 2022, Nguyễn Thị H quen biết chị Nguyễn Thị L. Qua nói chuyện, chị Nguyễn Thị L nhờ Nguyễn Thị H xin cho chồng mình là Nguyễn Xuân T vào làm bảo vệ, cắt tóc ở làng trẻ SOS tỉnh Điện Biên. Nguyễn Thị H nhận lời và nói cần tiền để chi phí xin việc, chuyển đổi bảo hiểm xã hội,... Tin tưởng là thật nên từ ngày 09/11/2022 đến tháng 11/2022 chị Nguyễn Thị L đã 02 lần chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H và 04 lần đưa tiền mặt cho Nguyễn Thị H với tổng số tiền **55.000.000 đồng**. Sau khi chuyển tiền, Nguyễn Thị H không làm gì để xin việc cho chồng chị Nguyễn Thị L mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Lần 2: Khoảng tháng 12/2022, do biết chị Nguyễn Thị L muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã mua ở tổ 5, phường N, thành phố Đ. Nguyễn Thị H nói dối với chị Nguyễn Thị L là Nguyễn Thị H có khả năng làm được và chi phí hết 250.000.000đ. Tin tưởng là thật nên tháng 12/2022 chị Nguyễn Thị L đã đưa cho Nguyễn Thị H 02 lần với tổng số tiền là **250.000.000 đồng**.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L là 305.000.000 đồng. Do nghi ngờ Nguyễn Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chị Nguyễn Thị L đã yêu cầu Nguyễn Thị H chuyển lại tiền cho mình. Ngày 04/3/2023 và 26/4/2023, Nguyễn Thị H đã 02 lần chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị L với tổng số tiền **25.000.000 đồng**. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Nguyễn Thị H phải trả lại **280.000.000 đồng**.

5. Nguyễn Thị H đã đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chị Đỗ Thị Quỳnh T và anh Đỗ Văn H trú tại tổ 01, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Do gần nhà và quen biết với nhau, khi thấy gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng quyền sử dụng đất nên Nguyễn Thị H đã

này sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T. Nguyễn Thị H tự giới thiệu mình là Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình ở huyện Điện Biên có khả năng làm các thủ tục chuyển đổi mục đích quyền sử dụng đất và đưa cho vợ chồng chị Đỗ Thị Quỳnh T xem ảnh biển Giám đốc Ban quản lý dự án để tạo niềm tin. Từ đó, Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 02/2023, chị Đỗ Thị Quỳnh T đã chỉ cho Nguyễn Thị H mảnh đất tại tổ 15, phường Nam Thanh, thành phố Đ và nói có nhu cầu muốn chuyển đổi mục đích sử dụng mảnh đất này. Nguyễn Thị H nói mình có khả năng làm được và sẽ giúp Đỗ Thị Quỳnh T song phải đưa tiền để đóng phí làm trọn gói chuyển đổi mục đích sử dụng của mảnh đất, bồi dưỡng lãnh đạo để ký lấy sổ, phí tiền thuê đổi đất, phí để tách làm hai sổ... chị Đỗ Thị Quỳnh T đồng ý. Từ ngày 28/02/2023 đến ngày 14/10/2023, chị Đỗ Thị Quỳnh T đã 11 lần chuyển tiền từ các tài khoản số 100003034028 ngân hàng Vietinbank, tài khoản số 8903205066855 ngân hàng Agribank, tài khoản số 3600475675 ngân hàng BIDV của chị Đỗ Thị Quỳnh T đến số tài khoản 8903888879999 Ngân hàng Agribank của Nguyễn Thị H với tổng số tiền là **257.200.000 đồng**.

Lần 2: Khoảng tháng 4/2023, chị Đỗ Thị Quỳnh T nói với Nguyễn Thị H về việc gia đình có mảnh đất tại thôn Đ5, xã T6, huyện Đ muốn tách sổ và làm chuyển đổi mục đích sử dụng một phần đất. Nguyễn Thị H đồng ý và nói cần tiền để chi phí tách sổ, tiền đo đất... Từ ngày 19/4/2023 đến ngày 01/6/2023, chị Đỗ Thị Quỳnh T đã chuyển 03 lần từ tài khoản số 8903205066855 ngân hàng Agribank Đỗ Thị Quỳnh T đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H với tổng số tiền là **26.000.000 đồng**.

Lần 3: Khoảng giữa 3/2023, biết vợ chồng chị Đỗ Thị Quỳnh T có nhu cầu mua đất để làm xưởng sửa chữa ô tô, Nguyễn Thị H đã dẫn chị Đỗ Thị Quỳnh T đi xem một mảnh đất đồi, giáp trục đường đang thi công thuộc khu vực bản N, phường T, thành phố Đ. Nguyễn Thị H nói quả đồi này có giá trị khoảng 350.000.000 đồng – 400.000.000 đồng, Nguyễn Thị H sẽ có trách nhiệm làm toàn bộ giấy tờ nhưng phải chi tiền mua đất, đưa tiền cho Doanh nghiệp số 6 để san lấp mặt bằng, tiền thuê bộ đội chặt cây để san lấp mặt bằng... Tin tưởng là thật, từ ngày 21/3/2023 đến ngày 10/6/2023 chị Đỗ Thị Quỳnh T đã 06 lần chuyển từ tài khoản ngân hàng Agribank số 8903205066855, tài khoản ngân hàng BIDV số 3600475675 của mình đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H và đưa 01 lần tiền mặt cho Nguyễn Thị H với tổng số tiền là **425.000.000 đồng**.

Lần 4: Khoảng tháng 5/2023, Nguyễn Thị H giả vờ tiếp tục rủ chị Đỗ Thị Quỳnh T đi xem mảnh đất đồi thuộc bản N, phường T, thành phố Đ và nói giá chỉ có 150.000.000 đồng, nếu Đỗ Thị Quỳnh T muốn mua thì Nguyễn Thị H sẽ lo hết giấy tờ. Tin tưởng là thật, ngày 15/5/2023 chị Đỗ Thị Quỳnh T đã chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng BIDV số 3600475675 của chị Đỗ Thị Quỳnh T đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H **150.000.000 đồng**.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã 04 lần đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của vợ chồng chị Đỗ Thị Quỳnh T là **858.200.000 đồng**. Sau khi nhận tiền Nguyễn Thị H không làm gì cho vợ chồng chị Đỗ Thị Quỳnh T mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

6. Khoảng tháng 12/2023, Nguyễn Thị H biết chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975, trú tại tổ 14, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có con trai là Phạm Ngọc S có nhu cầu muốn vào làm việc tại trường Cao đẳng nghề tỉnh Điện Biên. Nguyễn Thị H nói dối với chị Nguyễn Thị H1 là Nguyễn Thị H có khả năng xin việc được cho cháu S và bảo chị Nguyễn Thị H1 đưa hồ sơ xin việc của S cho mình. Sau đó, Nguyễn Thị H nói dối cần tiền để chi phí xin việc, mua bằng chính trị sư phạm, bằng tiếng Mông, tiền thi qua môn để lấy chứng chỉ, tiền mua hồ sơ... Tin tưởng là thật nên từ ngày 12/12/2023 đến ngày 06/01/2024, chị Nguyễn Thị H1 đã 09 lần chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng Vietinbank số 103003033411 của chị Nguyễn Thị H1 đến tài khoản ngân hàng Agribank số 8903888879999 của Nguyễn Thị H với tổng số tiền **182.500.000 đồng**. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị H không làm gì để xin việc cho con chị Nguyễn Thị H1 mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt được của gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T; anh Tô Phúc K; chị Nguyễn Thị H1; chị Vi Thị T; chị Nguyễn Thị L và gia đình chị Bùi Thị H là **3.053.260.000 đồng**.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS-P2 ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 15 năm đến 16 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự:

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T và anh Đỗ Văn H số tiền 858.200.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho chị Đỗ Thị Quỳnh T, anh Đỗ Văn H là **858.200.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của anh Tô Phúc K số tiền 230.060.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho anh Tô Phúc K là **230.060.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 182.500.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho bà Hà là **182.500.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Vi Thị T số tiền 126.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho bà Vi Thị T là **126.000.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L số tiền 305.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị H đã trả cho bà Nguyễn Thị L được số tiền 25.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại mà bị cáo chiếm đoạt cho bà Nguyễn Thị L là **280.000.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị Bùi Thị H và anh Phạm Xuân T số tiền 1.351.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị H đã trả cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Xuân T được số tiền 870.200.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại mà bị cáo chiếm đoạt cho chị Bùi Thị H, anh Tường là **481.300.000 đồng**.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS màu đỏ - đen đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động IPHONE 6 PLUS màu vàng – trắng đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu vàng đã qua sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và chịu 75.161.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H, chồng bị cáo đã chết, bị cáo không có nghề nghiệp công việc ổn định lại phải một mình nuôi 02 con nhỏ ăn học rất vất vả, con trai bị cáo bị bệnh ung thư giác mạc lác hội tụ đồng hành bẩm sinh và phải điều trị lâu dài, tốn rất nhiều tiền bạc và rất cần có người chăm sóc; hàng tháng tiền điều trị bệnh cho con trai Vũ Hải Đ tốn hơn 70 triệu đồng, do hoàn cảnh khó khăn như vậy nên bị cáo mới nảy sinh ý định phạm tội; ngoài ra trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; trước khi bị khởi tố bị cáo đã tự nguyện trả tiền cho bị hại; bị cáo phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn N và mẹ đẻ là bà Đỗ Thị T được Nhà nước tặng thưởng Huy

chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, g, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ dưới khung hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội, chăm sóc cho các con nhỏ. Do điều kiện kinh tế bị cáo gặp nhiều khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như cáo trạng truy tố; không khiếu nại các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị hại đều không khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng; Về phần trách nhiệm dân sự, các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt về phần hình sự các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã khai và công nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/09/2021 đến ngày 06/01/2024, Nguyễn Thị H đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối về việc Nguyễn Thị H có khả năng làm các thủ tục về quyền sử dụng đất và xin việc làm vào các cơ quan Nhà nước làm cho những người bị hại tin tưởng là thật để chiếm đoạt của họ với tổng số tiền 3.053.260.000 đồng. Trong đó chiếm đoạt của gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T 858.200.000 đồng, chiếm đoạt của Tô Phúc K 230.060.000 đồng, chiếm đoạt của Nguyễn Thị H1 số tiền 182.500.000 đồng, chiếm đoạt của Vi Thị T 126.000.000 đồng, chiếm đoạt của Nguyễn Thị L 305.000.000 đồng, chiếm đoạt của gia đình chị Bùi Thị H 1.351.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như Cáo trạng số 22/CT-VKS-P2, ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố.

Bị cáo Nguyễn Thị H đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại với số tiền 3.053.260.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Vì vậy, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; ...”

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

- Về nhân thân: Từ nhỏ bị cáo được gia đình nuôi dưỡng và cho ăn học đến hết lớp 12/12, đến năm 2010 xây dựng gia đình với Vũ Khắc M. Ngày 07/4/2004 bị cáo Nguyễn Thị H bị Tòa án nhân dân thành phố Đ xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 28/02/2008, bị Công an thành phố Đ xử lý vi phạm hành chính về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo được coi là có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị H đã nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng (*phạm tội hai lần trở lên*) quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có chồng là Vũ Khắc M đã chết và không có nghề nghiệp công việc ổn định, một mình nuôi 02 con nhỏ ăn học rất vất vả, con trai bị cáo bị bệnh ung thư giác mạc lác hội tụ đồng hành bẩm sinh và phải điều trị lâu dài, chi phí điều trị bệnh rất tốn kém. Sau khi bị bắt trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn N và mẹ đẻ là bà Đỗ Thị T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng Nhất, nên được áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị H nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền để chữa bệnh cho con trai và chi dùng cá nhân; bị cáo đã chiếm đoạt tiền của các bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi của bị cáo: Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về áp dụng điều luật, mức hình phạt là có căn cứ để chấp nhận; Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự: “5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa cho thấy, trước khi phạm tội bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, điều kiện kinh tế của gia đình rất khó khăn, con

traí của bị cáo bị mắc bệnh nan y chi phí điều trị rất tốn kém. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Chấp nhận đề nghị và ý kiến của các bị hại. Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể:

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị Đỗ Thị Quỳnh T và anh Đỗ Văn H số tiền 858.200.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho chị Đỗ Thị Quỳnh T, anh Đỗ Văn H là **858.200.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của anh Tô Phúc K số tiền 230.060.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho anh Tô Phúc K là **230.060.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 182.500.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho bà Nguyễn Thị H1 là **182.500.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Vi Thị T số tiền 126.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho bà Vi Thị T là **126.000.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị L số tiền 305.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị H đã trả cho bà Nguyễn Thị L được số tiền 25.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại mà bị cáo chiếm đoạt cho bà Nguyễn Thị L là **280.000.000 đồng**.

+ Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị Bùi Thị H và anh Phạm Xuân T số tiền 1.351.500.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị H đã trả cho chị Bùi Thị H, anh Tường được số tiền 870.200.000 đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại mà bị cáo chiếm đoạt cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Xuân T là **481.300.000 đồng**.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS màu đỏ - đen đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động IPHONE 6 PLUS màu vàng – trắng đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY A7 màu vàng đã qua sử dụng.

[6] Về các vấn đề khác:

Đỗ Thị Quỳnh T nhiều lần chuyển cho Nguyễn Thị H tổng số tiền 45.600.000 đồng để nhờ Nguyễn Thị H chuyển tiền làm bảo hiểm, tiền thủ tục cấp giấy phép môi trường.... Nguyễn Thị H đã giúp Đỗ Thị Quỳnh T làm thủ tục

cấp giấy phép môi trường, còn những việc khác Nguyễn Thị H nói không làm được và đã trả lại cho Đỗ Thị Quỳnh T, Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 75.161.200 đồng (*Bảy mươi lăm triệu một trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt đã trừ đi số tiền bị cáo trả lại cho bị hại là 3.053.260.000 đồng – 895.200.000 đồng = 2.158.060.000 đồng*).

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đỗ Thị Quỳnh T và anh Đỗ Văn H số tiền là **858.200.000 đồng** (*Tám trăm năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Tô Phúc K số tiền là **230.060.000 đồng** (*Hai trăm ba mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền là **182.500.000 đồng** (*Một trăm tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Vi Thị T số tiền là **126.000.000 đồng** (*Một trăm hai mươi sáu triệu đồng*).

+ Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị L là **280.000.000 đồng** (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*).

+ Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại cho chị Bùi Thị H, anh Phạm Xuân T số tiền là **481.300.000 đồng** (*Bốn trăm tám mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày chị Đỗ Thị Quỳnh T, anh Đỗ Văn H; anh Tô Phúc K; bà Nguyễn Thị H1, bà Vi Thị T, bà Nguyễn Thị L; chị Bùi Thị H, anh Phạm Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thị H chậm trả tiền thì bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 PLUS và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A7.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 06/9/2024).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 75.161.200 đồng (*Bảy mươi lăm triệu một trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2024).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi bị hại cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người bào chữa;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương